| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HÀ NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2019/KDTM-PT
Ngày 13/6/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng góp vốn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn San.

*Các Thẩm phán*: Ông Phạm Việt Hà và ông Nguyễn Mạnh Hùng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:*** Ông Nguyễn Viết Luận - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 14 tháng 5 năm 2019 và ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*".

Do bản án Kinh doanh thương mại số 01/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 4, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Nhà số 46b, phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá.

*** Bị đơn:** Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K.

Địa chỉ trụ sở: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

**4. Người kháng cáo:** Chị Phạm Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Năm 2012, chị H và Công ty TNHH xây dựng K (nay là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K) do ông Nguyễn Văn T là đại diện có thỏa thuận góp vốn làm dự án chống thấm tầng hầm Vincom Sài Đồng Long Biên, địa chỉ: phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Theo thỏa thuận thì chị góp số tiền 70.000.000đ, lợi nhuận từ việc đầu tư sẽ được hưởng là 30%. Sau khi thỏa thuận chị H đã giao cho ông Nguyễn Văn T số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng). Trong đó bao gồm 55.000.000 đồng là tiền chị H đưa trực tiếp, còn 15.000.000 đồng chuyển từ làm ăn chung (khoản tiền này ông T còn nợ từ công trình cũ chuyển sang). Hai bên có lập Giấy biên nhận tiền góp vốn nhưng chỉ ghi ngày 24 năm 2012 mà không ghi rõ tháng nào. Chị H xác định giấy biên nhận tiền góp vốn ký giữa chị và ông Nguyễn Văn T (đại diện cho Công ty TNHH xây dựng K) lập ngày 24/10/2012 được xác định theo Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm ký giữa Công ty TNHH xây dựng K và Công ty cổ phần bê tông ReadyMix Việt Nam. Theo thỏa thuận thì thời hạn thanh toán vốn góp và chia lợi nhuận là hết ngày 31/12/2012, chị H đã nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K thanh toán nhưng Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K không thực hiện nghĩa vụ. Nay chị H đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K thanh toán cho chị các khoản như sau:

- Số tiền gốc là 70.000.000 đồng (tiền góp vốn);

- Tiền lợi nhuận theo thoả thuận 30% của số tiền gốc 70.000.000 đồng là 21.000.000 đồng (thời gian từ ngày 24/10/2012 đến hết ngày 31/12/2012); Tổng là 91 triệu đồng.

- Tiền lãi của 91.000.000 đồng được tính từ tháng 01/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/01/2019) là 144.069.870 đồng (Tính theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước là 10% năm).

Tổng cộng là 235.069.870 *(Hai trăm ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bẩy mươi đồng).* Ngoài ra, chị H yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử đến khi Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K trả hết nợ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn chị H có quan điểm: Chị xác nhận có rút tiền từ tài khoản số 030010670981 tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phủ Lý, tỉnh Hà Nam của Công ty TNHH xây dựng K trong khoảng thời gian từ ngày 21/01/2012 đến tháng 02/2013 với tổng số tiền là 592.500.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi rút các khoản tiền trên từ Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long Biên, thành phố Hà Nội chị đã giao lại hết cho ông T, nhưng không viết giấy tờ giao nhận. Vì vậy chị không chấp nhận yêu cầu phải tố của bị đơn.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị H, vì: Từ tháng 01/2012 đến tháng 01/2013 Chị Phạm Thị H đã nhiều lần rút tiền mặt từ tài khoản của Công ty TNHH xây dựng K, với tổng số tiền là 592.500.000 đồng và giả chữ ký chuyển ủy nhiệm chi vào tài khoản cá nhân 39.000.000đ nhưng không nhập vào quỹ của Công ty mà sử dụng chi tiêu cá nhân. Cụ thể các lần chị H rút tiền như sau:

+ Ngày 21/01/2012: 17.000.000 đồng; ngày 03/8/2012: 25.000.000 đồng; ngày 07/8/2012: 150.000.000 đồng; ngày 14/8/2012: 50.000.000 đồng; ngày 22/11/2012: 14.000.000 đồng; ngày 29/11/2012: 7.500.000 đồng; ngày 12/12/2012: 130.000.000 đồng; ngày 17/12/2012: 50.000.000 đồng; ngày 18/12/2012: 15.000.000 đồng; ngày 21/12/2012: 34.000.000 đồng; ngày 24/12/2012: 5.000.000 đồng; ngày 28/12/2012: 16.000.000 đồng; ngày 07/01/2013: 17.000.000 đồng; ngày 09/01/2013: 37.000.000 đồng; ngày 17/01/2013: 25.000.000 đồng; ngày 05/02/2013: 39.000.000 đồng;

Tại đơn phản tố đề ngày 08/4/2018, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K, yêu cầu Chị Phạm Thị H hoàn trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K số tiền 300.000.000 đồng, trong tổng số tiền 631.500.000 đồng mà chị H đã rút từ tài khoản của Công ty.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, Chị Phạm Thị H đề nghị buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K phải thanh toán trả số tiền vốn góp và lợi nhuận là 91.000.000đ. Đối với tiền lãi trong quá trình tố tụng do tính nhầm nên chị có yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 144.069.870đ, nay chị tính lại tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ tháng 01/2013 đến ngày 16/01/2019 là 63.801.000đ. Giữ nguyên quan điểm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông Nguyễn Văn T có quan điểm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K có trách nhiệm trả cho Chị Phạm Thị H số tiền vốn góp là 70.000.000đ và tiền lãi của số tiền vốn góp kể từ tháng 01/2013 đến ngày xét xử với mức lãi suất như chị H yêu cầu; không chấp nhận số tiền 30% lợi nhuận là 21.000.000đ cũng như tiền lãi của khoản tiền này, do làm công trình không có lãi. Buộc Chị Phạm Thị H phải trả cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K số tiền 300 triệu đồng mà chị H đã rút từ tài khoản của Công ty để đối trừ nghĩa vụ.

* Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 01/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ: Điều 200, 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 504 và Điều 507 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 306 Luật thương mại 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K thanh toán trả cho Chị Phạm Thị H số tiền: 154.801.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu tám trăm linh một nghìn đồng); trong đó tiền góp vốn là 70.000.000 đồng; tiền lợi nhuận 30% là 21.000.000 đồng và tiền lãi là 63.801.000 đồng.

**2.** Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc Chị Phạm Thị H phải trả cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Đối trừ nghĩa vụ, Chị Phạm Thị H còn phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K số tiền 145.199.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 28/01/2019, Chị Phạm Thị H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét việc chị không phải trả Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K số tiền 300.000.000đ.

* **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Chị Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K có quan điểm: Không chấp nhận kháng cáo của Chị Phạm Thị H, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Chị Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị H đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K, Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm thụ lý và giải quyết về *"Tranh chấp hợp đồng góp vốn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Chị Phạm Thị H:

Tại Giấy rút tiền mặt của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín từ tài khoản là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K do Chị Phạm Thị H là người nhận tiền, thể hiện Chị Phạm Thị H có thực hiện rút tiền từ tài khoản của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K và Chị Phạm Thị H cũng xác nhận đã rút số tiền 631.500.000 đồng từ tài khoản số 030010670981 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Việc chị H cho rằng sau khi rút tiền đã giao lại toàn bộ số tiền trên cho ông Nguyễn Văn T là đại diện của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K, khi giao tiền không lập giấy tờ gì.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, chị H xuất trình một số hóa đơn giá trị gia tăng tên đơn vị mua hàng là Công ty TNHH xây dựng K như sau:

Các hóa đơn giá trị gia tăng có phần người mua hàng là ông Nguyễn Văn T bao gồm các hóa đơn số: 000383 ngày 16/8/2012 số tiền 14.447.996đ; 0000076 ngày 25/6/2012 số tiền 9.440.076đ; 003806 ngày 30/9/2012 số tiền 0003806; 0000387 ngày 18/8/2012 số tiền 12.899.997đ; 0000385 ngày 17/8/2012 số tiền 19.263.995đ; 001763 ngày 14/6/2012 số tiền 69.343.560đ; 001752 ngày 12/6/2012 số tiền 19.991.400đ; 000081 ngày 23/6/2012 số tiền 16.168.513đ; 000080 ngày 23/6/2012 số tiền 18.329.632đ.

Các hóa đơn giá trị gia tăng số: 0046882 ngày 18/3/2012 số tiền 15.022.400đ; 0003481 ngày 22/7/2012 số tiền 28.340.000đ; 003430 ngày 08/7/2012 số tiền 22.470.000đ; 0003355 ngày 30/6/2012 số tiền 24.610.000đ; 0003653 ngày 31/8/2012 số tiền 24.610.000đ; 0003523 ngày 31/7/2012 số tiền 30.520.000đ; 0003718 ngày 15/9/2012 số tiền 63.220.000đ; 0003673 ngày 05/6/2012 số tiền 319.000đ; 0003581 ngày 15/8/2012 số tiền 24.610.000đ.

Các hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000378 ngày 24/7/2012 số tiền 13.106.396đ; 0000369 (không rõ ngày tháng) năm 2012 số tiền 16.866.995đ; 0000363 ngày 02/1/2012 số tiền 15.049.996đ; 0000097 ngày 21/3/2012 số tiền 5.478.000đ; 0000827 ngày 14/3/2012 số tiền 11.940.500đ; 0000340 ngày 17/7/2012 số tiền 5.854.750đ; 0000504 ngày 07/8/2012 số tiền 18.310.600đ;

0064914 ngày 03/8/2012 số tiền 7.049.000đ; 0001220 ngày 19/3/2012 số tiền 7.000.000đ; 0000408 ngày 28/9/2012 số tiền 17.853.000đ; 0000411 ngày 29/9/2012 số tiền 12.078.000đ; 0076809 ngày 16/6/2012 số tiền 5.008.000đ; 0000604 ngày 20/9/2012 số tiền 19.027.250đ; 0000636 ngày 18/9/2012 số tiền 16.773.900đ; 0076815 ngày 26/7/2012 số tiền 10.000.000đ; 0000828 ngày 17/3/2012 số tiền 9.479.800đ;

Các hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000072 ngày 25/7/2012; 0000071 ngày 20/7/2012 số tiền 6.323.900đ; 0000068 ngày 12/7/2012 số tiền 4.034.800đ; 0000066 ngày 05/7/2012 số tiền 5.500.000đ; 0000082 ngày 27/8/2012 số tiền 4.000.000đ; 0000080 ngày 23/8/2012 số tiền 3.876.400đ; 0000078 ngày 15/8/2012 số tiền 3.351.700đ; 0000074 ngày 07/8/2012 số tiền 3.118.500đ; 0000003 ngày 19/03/2012 số tiền 6.089.600đ; 0000002 ngày 10/3/2012 số tiền 3.216.400đ; 0000006 ngày 09/4/2012 số tiền 3.814.800đ; 0000008 ngày 13/4/2012 số tiền 1.944.800đ; 0000015 ngày 23/4/2012 số tiền 5.314.600đ; 0007101 ngày 19/3/2012 số tiền 6.372.000đ; 0006445 ngày 15/2/2012 số tiền 1.400.000đ; 0000463 ngày 07/6/2012 số tiền 19.929.657đ.

Đại diện Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K, ông T xác định: Đối với các hóa đơn giá trị gia tăng do chị H xuất trình thì có một số hóa đơn là do ông và ông Hùng là người mua và trả tiền, một số hóa đơn trả tiền bê tông Công ty đã thanh toán bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của Công ty, chị H chỉ xuất trình được Hóa đơn giá trị gia tăng với đơn vị mua hàng là Công ty TNHH K mà không xuất trình được chứng từ kế toán chứng minh đã thanh toán tiền cho đơn vị bán hàng, do vậy các hóa đơn giá trị gia tăng do chị H xuất trình, Công ty K không chấp nhận toàn bộ. Tuy nhiên, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K chỉ yêu cầu chị H phải thanh toán số tiền 300.000.000 đồng trong tổng số tiền 631.500.000đ mà chị H đã rút tiền mặt của Công ty.

Xét thấy: Chị H chỉ xuất trình được các hóa đơn giá trị gia tăng ghi tên đơn vị mua hàng là Công ty TNHH K mà không xuất trình được chứng từ kế toán kèm theo bao gồm các Hợp đồng mua bán hàng hóa, các phiếu thu của đơn vị bán hàng hoặc các phiếu chuyển tiền mặt tại Ngân hàng để chứng minh việc chị H đã thanh toán cho các đơn vị bán hàng tương ứng với các Hóa đơn giá trị gia tăng do chị H xuất trình. Bên cạnh đó các hóa đơn giá trị gia tăng chị H xuất trình có một số hóa đơn có phần người mua hàng là ông Nguyễn Văn T bao gồm hóa đơn số 000383 ngày 16/8/2012 số tiền 14.447.996đ; 0000076 ngày 25/6/2012 số tiền 9.440.076đ; 003806 ngày 30/9/2012 số tiền 0003806; 0000387 ngày 18/8/2012 số tiền 12.899.997đ; 0000385 ngày 17/8/2012 số tiền 19.263.995đ; tổng số tiền là 109.042.064đ và các hóa đơn số 001763 ngày 14/6/2012 số tiền 69.343.560đ; 001752 ngày 12/6/2012 số tiền 19.991.400đ phần họ tên người mua hàng là anh Chung, hóa đơn số 000081 ngày 23/6/2012 số tiền 16.168.513đ; 000080 ngày 23/6/2012 số tiền 18.329.632đ người mua

hàng là ông Lê Văn Hùng nhưng phần ký nhận lại là Chị Phạm Thị H với tổng số tiền là 123.833.105đ.

Hội đồng xét xử cũng đã yêu cầu chị H cung cấp chứng từ kế toán kèm theo để chứng minh việc chị H đã thanh toán cho các đơn vị bán hàng tương ứng với các Hóa đơn giá trị gia tăng chị H xuất trình nhưng chị H không cung cấp được.

Do vậy, kháng cáo của Chị Phạm Thị H là không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Chị Phạm Thị H phải có trách nhiệm thanh toán trả Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Chị Phạm Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ: Điều 200, 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 504 và Điều 507 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 306 Luật thương mại 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K thanh toán trả cho Chị Phạm Thị H số tiền: 154.801.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu tám trăm linh một nghìn đồng); trong đó tiền góp vốn là 70.000.000 đồng; tiền lợi nhuận 30% là 21.000.000 đồng và tiền lãi là 63.801.000 đồng.

**2.** Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc Chị Phạm Thị H phải trả cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Đối trừ nghĩa vụ, Chị Phạm Thị H còn phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K số tiền 145.199.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng).

**3**. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị H phải nộp 15.000.000 đồng, đối trừ số tiền 11.321.900đ tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án

số 04305 ngày 29/01/2018, chị H còn phải nộp tiếp số tiền 3.678.100 đồng, làm tròn thành 3.678.000đ (Ba triệu sáu trăm bẩy mươi tám nghìn đồng).

- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K phải nộp 7.740.000 đồng, đối trừ số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí mà Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 04327 ngày 23/4/2018, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K còn phải nộp tiếp số tiền 240.000đ (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng), đối trừ với số tiền số tiền tạm ứng án phí 300.000đ Chị Phạm Thị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000364 ngày 11/12/2018 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm. Chị Phạm Thị H còn phải nộp 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSDN tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Văn San**